



ĐẤT HÒA[®]



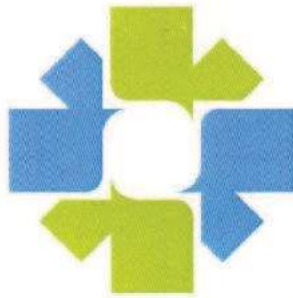
Vietnam Value
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



HDPE catalogue

TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 2020





Vietnam Value

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

HỘI ĐỒNG THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

CHỨNG NHẬN

CÔNG TY TNHH NHỰA ĐẠT HÒA

Là Doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam

Giai đoạn: 2020 - 2022

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2020

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Trần Tuấn Anh

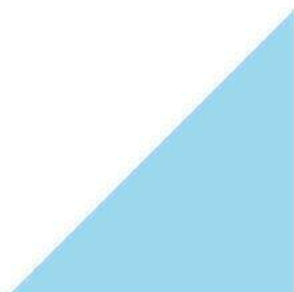
CƠ QUAN THỰC HIỆN

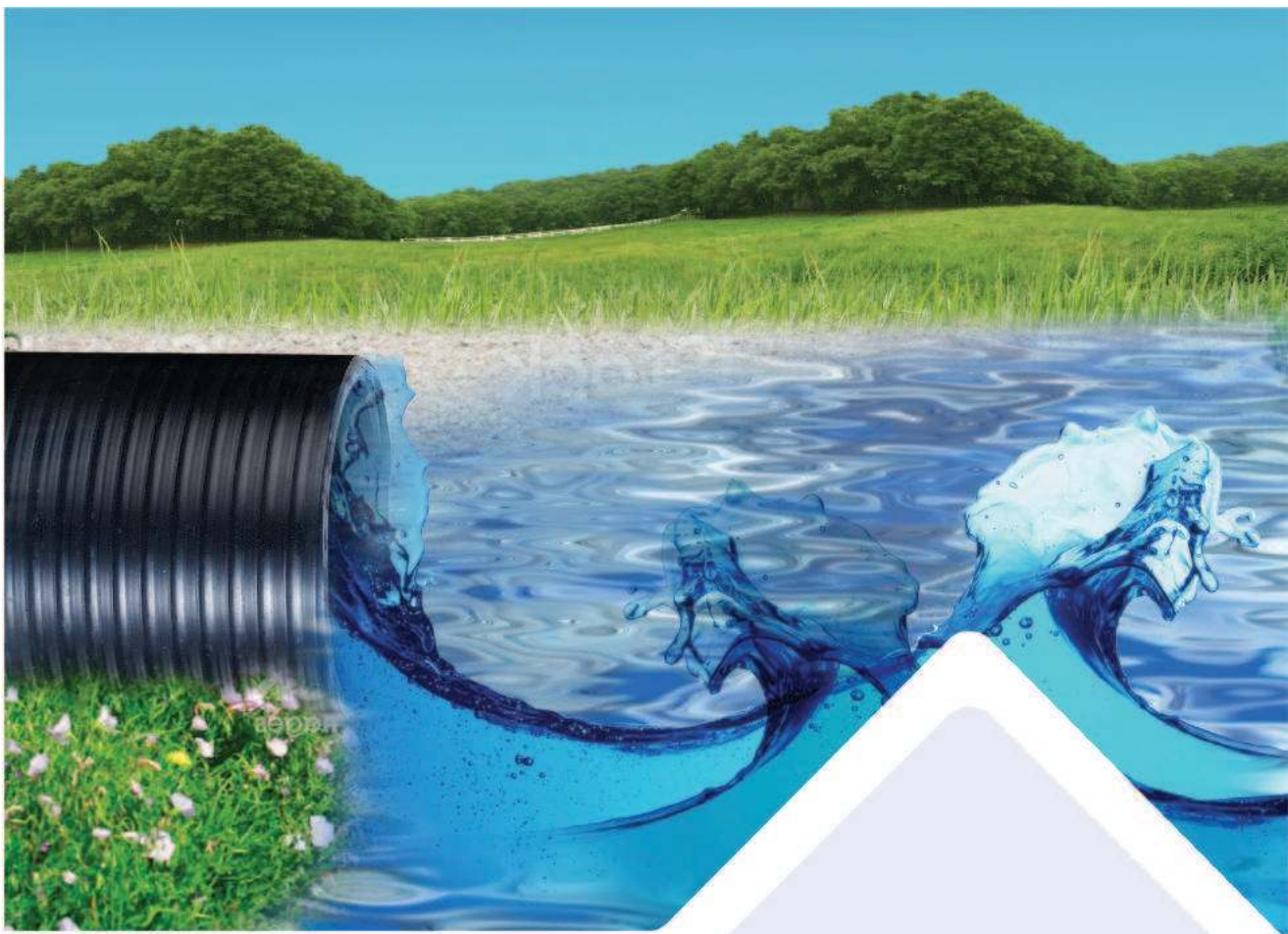


BỘ CÔNG THƯƠNG - MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE
CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
VIETNAM TRADE PROMOTION AGENCY

MỤC LỤC / CONTENTS

▪ GIỚI THIỆU CÔNG TY / INTRODUCTION	4-7
▪ ỐNG HDPE SỌC XANH - DÙNG CHO CẤP NƯỚC HDPE PIPES (BLUE LINE) - USED FOR WATER SUPPLY SYSTEM	8-11
▪ ỐNG GẦM HDPE - THOÁT NƯỚC HDPE PIPES - USED FOR SEWERAGE	12-20
▪ DÂY CHUYỂN SẢN XUẤT EXTRUSION LINE	21-23
▪ HÌNH ẢNH / GALLERY	24-25
▪ DỰ ÁN / PROJECT	26-29





GIỚI THIỆU CÔNG TY

Công ty TNHH nhựa Đạt Hòa được thành lập năm 1978, lúc đầu là một cơ sở sản xuất. Sau nhiều năm định hướng phát triển và tăng quy mô sản xuất, Đạt Hòa đã trở thành một nhà cung cấp có uy tín của ngành nhựa Việt Nam. Hiện nay, công ty Nhựa Đạt Hòa có hai nhà máy sản xuất phục vụ thị trường toàn quốc:

- Văn phòng và xưởng tại TP. Hồ Chí Minh với diện tích 20.000 m² hoạt động vào năm 1993.
- Văn phòng và xưởng tại Tỉnh Bình Dương với diện tích 60.000 m² hoạt động vào năm 2009.
- Định hướng xây dựng nhà máy thứ ba với tổng vốn đầu tư lên đến 600 tỷ đồng, dự kiến đi vào hoạt động vào năm 2020.

CÔNG TY CHUYÊN MÔN HÓA SẢN XUẤT ĐA DẠNG CÁC LOẠI SẢN PHẨM SAU:

- Ống và phụ kiện uPVC
- Ống dẻo PVC, ống lưới PVC
- Ống và phụ kiện HDPE dùng cho cấp và thoát nước
- Ống cống chịu lực HDPE
- Ống PPR dùng để dẫn nước nóng và lạnh
- Cữ bản nhựa PVC
- Màng nhà kính PE, màng lót PE
- Ống tải nước PVC/ PE
- Ống tưới phun sương PE
- Ống tưới nhỏ giọt PE
- Ống luồn dây điện

NHỮNG THÀNH QUẢ VỀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG MÀ NHỰA ĐẠT HÒA ĐẠT ĐƯỢC:

- Năm 1999, đạt giấy chứng nhận ISO 9002:1996 do Vietnam Services Quacert cấp ngày 30/06/2000 và QMS ngày 10/07/2000.
- ĐẠT CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG DO BUREAU VERITAS CERTIFICATION VIETNAM CẤP:
 - Tháng 02/2007: ISO 9001:2000
 - Tháng 04/2010: ISO 9001:2008
 - Tháng 03/2018: ISO 9001:2015
- ĐẠT CÁC CHỨNG NHẬN DO TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 CẤP VÀO THÁNG 05/2017:
 - Ống Polyetylen (PE) Phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 7305-2:2008 (ISO 4427-2:2007)
 - Ống Polyetylen (PE) Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2019/BXD

Công ty đã liên tục nhiều năm liền đạt chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao" do người tiêu dùng bình chọn, nhiều năm liền được Bộ xây dựng Việt Nam tặng cúp vàng. Năm 2013, Nhựa Đạt Hòa đạt giải thưởng "TOP 100 DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU XUẤT SẮC" và "TOP 100 THƯƠNG HIỆU, DỊCH VỤ, SẢN PHẨM HỘI NHẬP QUỐC TẾ" được tổ chức trao giải tại Lào. Hiện nay, chất lượng sản phẩm ống nhựa Đạt Hòa luôn được đánh giá cao và thương hiệu Đạt Hòa được sự ủng hộ của khách hàng trong và ngoài nước. Để duy trì niềm tin của khách hàng và nâng cao vị trí của mình trên thị trường, công ty luôn không ngừng đầu tư các dây chuyền máy móc với thiết bị công nghệ tiên tiến để đảm bảo chất lượng sản phẩm, và tăng cường liên kết liên doanh với các tổ chức kinh tế để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Đạt chứng chỉ công nhận phòng thử nghiệm ISO/IEC 17025:2017 cấp bởi:

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM

VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG AOSC CÔNG NHẬN
LĨNH VỰC CÔNG NHẬN : THỬ NGHIỆM CƠ

- MÃ SỐ: VLAT-1.0389

■ Ống và phụ kiện HDPE do công ty sản xuất luôn đạt và vượt tiêu chuẩn của các đặc tính cơ lý hóa:

- Độ bền kéo đứt
- Độ bền nén ngang
- Độ bền với các dung môi
- Nhiệt độ hóa mềm Vicat
- Độ hấp thụ nước
- Áp suất thủy lưu
- Áp suất phá nổ

■ Ống và phụ kiện nhựa HDPE Đạt Hòa được sản xuất và thử nghiệm phù hợp theo tiêu chuẩn:

- TCVN 7305-1:5:2008 (ISO 4427-1:5:2007)
- QCVN 16:2009/BXD
- TCVN 7434-1:2004 (ISO 6259-1:1997)
- TCVN 6149-1:2017 (ISO 1167-1:2006)
- ASTM D1599-18



INTRODUCTION

Dat Hoa Plastic Company, Ltd. was established in 1978 as a small manufacturing firm. After many years of orienting and expanding, it has become a well-known supplier in the plastic industry. Currently, the company has two manufacturing plants:

- Office and manufacturing plant of 20.000 m² located in Ho Chi Minh City started operation in 1993.
- Office and manufacturing plant of 60.000 m² located in Binh Duong Province started operation in 2009.
- The third plant is projected to start operation in 2020 with a total of 600 billion Vietnam Dong of invested capital.

THE COMPANY SPECIALIZES IN MANUFACTURING A VARIETY OF PRODUCTS:

- uPVC pipes and fittings
- PVC flexible hoses, PVC netted hoses
- HDPE pipes and fittings used for water supply and discharge
- HDPE pipes for sewage system
- PPR pipes for hot and cold water supply
- PVC sheet pile
- Greenhouse film, PE lining film
- PVC and PE flat hoses
- PE sprinkler irrigation pipe
- Drip irrigation pipe
- PE cable conduit

FOLLOWING IS THE COMPANY'S ACHIEVEMENTS FOR COMPLYING WITH THE QUALITY MANAGEMENT SYSTEM STANDARD:

- In 1999, ISO 9002:1996 certificate was issued by Vietnam Services Quacert in 30/06/2000 and QMS in 10/07/2000.
- Certificates issued by the Bureau Veritas Certification Vietnam:
 - February 2007: ISO 9001:2000
 - April 2010: ISO 9001:2008
 - March 2018: ISO 9001:2015
- Certificates issued by the QUATEST 3 in May, 2017:
 - Polyethylene (PE) pipes and fittings in compliance with the standard of TCVN 7305-2:2008 (ISO 4427-2:2007) and QCVN 16:2017/BXD

For many consecutive years, Dat Hoa Plastic Company is honored to be voted "Vietnam High Quality Products" by consumers and is awarded gold medals by the Ministry of Construction. In 2003, the company won the title of "TOP 100 OUTSTANDING BUSINESSES" and "TOP 100 BRANDS, SERVICES, PRODUCTS INTERNATIONAL INTEGRATION" at the ceremony in Laos. Not only is the company well-known for its high-quality products nationally, but also internationally. Our promise is to continuously improve product quality and expand our target market through investing in new technology and machinery, and cooperation with economic organizations.

Obtained ISO/IEC 17025:2017 laboratory accreditation certificate issued by:
VIETNAM UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS ACCREDITATION
OFFICE FOR CONFORMITY ASSESSMENT OF QUALITY STANDARDS AOSC
ACCREDITATION FIELD: MECHANICAL TESTING

- CODE: VLAT-1.0389

■ HDPE pipes and accessories are manufactured to meet and exceed the characteristics of chemical, physical, and mechanical

- Tensile strength
- Compressive ultimate
- Durability in solvent
- Vicat softening temperature
- Water absorbent level
- Hydrostatic pressure
- Detonation pressure

■ Dat Hoa plastic pipes and accessories are manufactured and tested in compliance with these standards:

- TCVN 7305-1:5:2008 (ISO 4427-1:5:2007)
- QCVN 16:2009/BXD
- TCVN 7434-1:2004 (ISO 6259-1:1997)
- TCVN 6149-1:2017 (ISO 1167-1:2006)
- ASTM D1599-18



ỐNG HDPE (SỌC XANH)

DÙNG CHO HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

Phạm vi sử dụng:

- Hệ thống cấp nước khu dân cư đô thị (đặc biệt ở những địa hình phức tạp và hiểm trở)
- Hệ thống bao bọc bảo vệ dây điện và cáp điện ngầm bu chính viễn thông

Đặc tính kĩ thuật:

- Được sản xuất từ hợp chất nhựa Polyethylene tỷ trọng cao (HDPE)
- Chịu được lực va đập tốt và độ bền cao
- Chịu được các loại dung dịch hóa học (axit, kiềm, dung môi yếu) trong nước thải
- Không bị ăn mòn, phân rã, và mài mòn
- Chịu nhiệt tốt, có thể sử dụng trong môi trường có nhiệt độ từ -40°C đến 60°C
- Có độ bền chống rạn nứt do ứng suất môi trường giúp hạn chế sự phát triển của vết nứt
- Không bị rỉ sét
- Độ uốn dẻo cao cho phép ống di chuyển theo sự di chuyển của đất (do đất trượt, động đất) mà không bị gãy và vỡ các đầu nối
- Mặt trong phẳng tạo chế độ dòng chảy tốt

Lợi ích của việc sử dụng:

- Tuổi thọ cao trong môi trường khắc nghiệt
- Chiều dài ống có thể điều chỉnh nhằm giảm chi phí mỗi nối, nhân công và giá thành thi công
- Trọng lượng nhẹ giúp tiết kiệm chi phí vận chuyển và rút ngắn thời gian lắp đặt
- Việc lắp đặt được thực hiện an toàn và dễ dàng trên mọi địa hình, kể cả địa hình phức tạp như biển, suối, địa hình nhiệt độ thấp
- Các mối nối được kết nối bằng phương pháp hiện đại đảm bảo tính kín nước tốt
- Chất nhựa không độc hại, phù hợp để sử dụng trong ngành công nghiệp thực phẩm và dược phẩm



HDPE PIPES (BLUE LINES)

USED IN WATER SUPPLY SYSTEM

Scope of Usage:

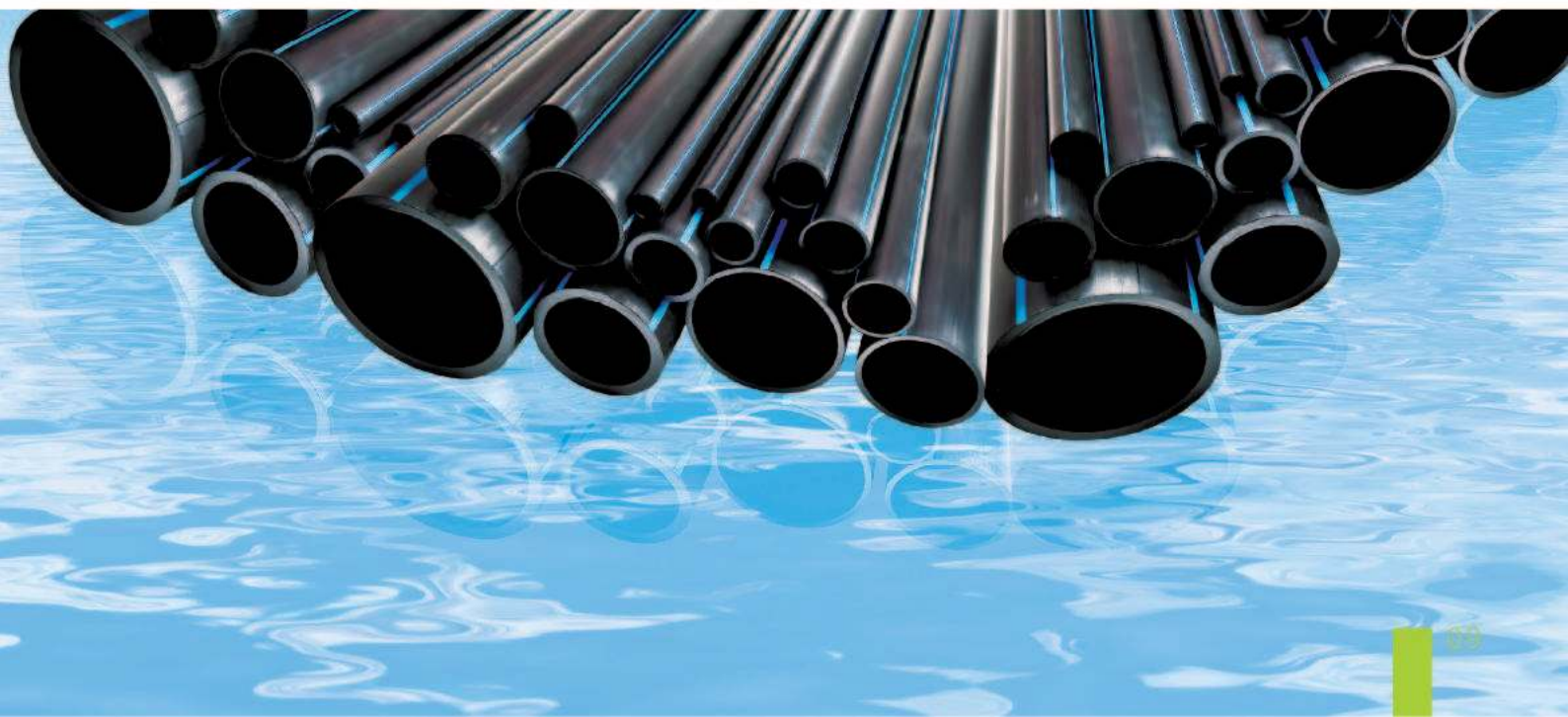
- Water supply system for residential areas (especially irregular surfaces and rough terrain)
- Protection system for cables and underground post telecommunication cables

Technical features:

- Manufactured from unplasticized polyvinyl chloride polymer compound
- High impact and breakage resistance
- High resistance to chemical solutions (acid, alkaline, weak solvents) in wastewater
- Resistance to corrosion, decaying and abrasion
- Thermal resistance, application possible between -40 to 60 degree Celsius
- Environment stress crack resistance prevents inching growth of cracks
- Rust-free
- Elastic suitable for underground pipes through adjustment to earth movement (landslide, earthquake, etc.)
- Perfectly smooth internal surface creates excellent flow

Advantages of use:

- Long service life under severe conditions
- Customizable length of pipes to minimize welding and construction cost
- Light in weight, cost saving in transport and time saving in installation
- Advantage of safe and easy installation in irregular surfaces, such as sea, river passages, low temperature terrain
- Homogeneous welded joints create pull-tight and leak-proof joints
- Non-toxic and food-grade hence can be used in food and pharmaceutical industry



THÔNG SỐ KỸ THUẬT ỐNG NHỰA HDPE (SỐC XANH) DÙNG CHO CẤP NƯỚC TABLE OF TECHNICAL PARAMETERS HDPE PIPES (BLUE LINE) USED FOR WATER SUPPLY

Tiêu chuẩn TCVN 7305-2:2008 (ISO 4427-2:2007) / Standard TCVN 7305-2:2008 (ISO 4427-2:2007)
Quy chuẩn QCVN 16:2017/BXD / Standard QCVN 16:2017/BXD



Kích thước danh nghĩa Nominal size DN/OD	Đường kính ngoài, d_n Outside diameter (mm)	Bề dày thành ống, e_n Wall thickness (mm)						Chiều dài ống, L_n Pipe length (m)	Chiều dài cuộn, L_n Roll length (m)
		PN6	PN8	PN10	PN12.5	PN16	PN20		
20	20	-	-	1.4	1.6	2.0	2.3	-	100
25	25	-	1.4	1.6	2.0	2.3	3.0	-	100
32	32	1.4	1.6	2.0	2.4	3.0	3.6	-	100
40	40	1.6	2.0	2.4	3.0	3.7	4.5	-	100
50	50	2.0	2.4	3.0	3.7	4.6	5.6	-	50
63	63	2.5	3.0	3.8	4.7	5.8	7.1	-	50
75	75	2.9	3.6	4.5	5.6	6.8	8.4	6	50
90	90	3.5	4.3	5.4	6.7	8.2	10.1	6	50
110	110	4.2	5.3	6.6	8.1	10.0	-	6	-
125	125	4.8	6.0	7.4	9.2	11.4	-	6	-
140	140	5.4	6.7	8.3	10.3	12.7	-	6	-
160	160	6.2	7.7	9.5	11.8	14.6	-	6	-
180	180	6.9	8.6	10.7	13.3	16.4	-	6	-
200	200	7.7	9.6	11.9	14.7	18.2	-	6	-
225	225	8.6	10.8	13.4	16.6	20.5	-	6	-
250	250	9.6	11.9	14.8	18.4	22.7	-	6	-
280	280	10.7	13.4	16.6	20.6	25.4	-	6	-
315	315	12.1	15.0	18.7	23.2	28.6	-	6	-
355	355	13.6	16.9	21.1	26.1	32.2	-	6	-
400	400	15.3	19.1	23.7	29.4	36.3	-	6	-
450	450	17.2	21.5	26.7	33.1	40.9	-	6	-
500	500	19.1	23.9	29.7	36.8	45.4	-	6	-
630	630	24.1	30.0	37.4	46.3	57.2	-	6	-
710	710	27.2	33.9	42.1	52.2	64.5	-	6	-
800	800	30.6	38.1	47.4	58.8	72.6	-	6	-
900	900	34.4	42.9	53.3	62.2	81.7	-	6	-
1000	1000	38.2	47.7	59.3	-	-	-	6	-
1200	1200	45.9	57.2	67.9	-	-	-	6	-

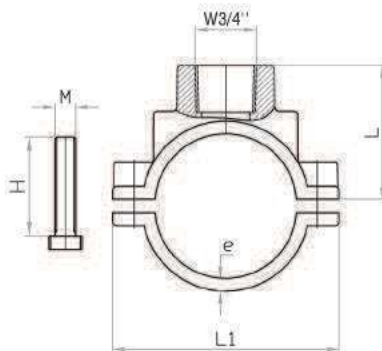
Lưu ý:

- Ứng suất thiết kế $\sigma_s=8\text{Mpa}$ (PE 100).
- PN: Áp suất danh nghĩa, áp suất làm việc ở 20°C (Đơn vị: bar).
- Chiều dài ống có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng.
- Ống từ P450 trở lên trước khi đặt hàng, vui lòng liên hệ với công ty chúng tôi để tư vấn thêm.

Note:

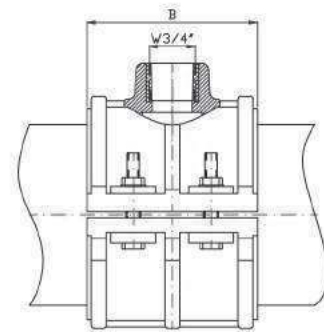
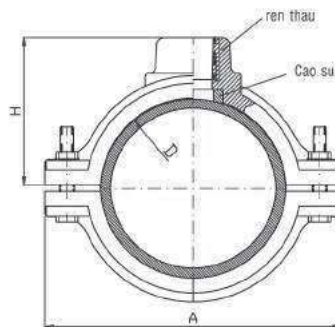
- Design stress: $\sigma_s=8\text{Mpa}$ (PE 100).
- PN: Nominal pressure, working pressure at 20 °C (Unit: bar).
- Length be can produce by customer request.
- Pipes from P450 and more before ordering, please contact our company for further advice.

▪ KHỞI THỦY REN TRONG HDPE / **CLAMP SADDLE HDPE**



Size	L	L1	e	M	H
Ø63	59	100	5.7	8.0	50

▪ KHỞI THỦY REN ĐỒNG (PP) / **CLAMP SADDLE WITH COPPER FEMALE THREADED**



DN	D	A	B	H
100	121.9	200	114	98
150	177.3	260	115	130
200	222	304	115	155

▪ CÁC PHỤ KIỆN / **FITTINGS**



Phụ kiện hàn nhiệt
Temperature welding fittings



Phụ kiện nhập từ Italy
Fittings imported from Italy



Phụ kiện nhập từ Malaysia
Fittings imported from Malaysia

HDPE

FOR SEWERAGE
THOÁT NƯỚC



ỐNG GÂN HDPE 2 LỚP

DÙNG CHO THOÁT NƯỚC

Phạm vi sử dụng:

- Hệ thống thoát nước khu dân cư đô thị
- Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp
- Hệ thống cống dọc, cống vượt trên các trục lộ giao thông
- Hệ thống tưới tiêu công nghiệp và thoát nước sân golf
- Hệ thống bao bọc bảo vệ dây điện và cáp điện ngầm chôn chính viễn thông
- Hệ thống cấp và thoát nước phục vụ nuôi trồng hải sản



Mặt cắt ống HDPE 2 lớp / Axial section of HDPE double-wall pipe

1. Đặc tính và cấu tạo:

- Ống cống nhựa HDPE được sản xuất theo công nghệ Hàn Quốc và Tây Đức, công nghệ hút chân không có nhiều ưu điểm thuận lợi về: bền, tính kinh tế cao, không bị ăn mòn.
- Được sử dụng bằng nhựa HDPE tỷ trọng cao, phía trong ống rộng, trơn phẳng, ít ma sát, chế độ dòng chảy tốt, giữa bề dày thành ống có cấu tạo lỗ rỗng do ép đùn nên chịu được ngoại áp và cường độ va đập cao. Mặt khác đặc tính của nhựa HDPE có khả năng thích hợp nơi đất mềm và đất cát.
- Độ kháng hóa chất tốt, không rỉ sét, phân hủy có tuổi thọ cao trên 50 năm rất phù hợp với môi trường axit, kiềm, nước thải, nước hữu cơ (cho nhà máy xử lý rác), nước mặn... phù hợp với miền Duyên Hải.
Chú ý: Khi thi công, chôn lấp phải có biện pháp giữ ống, tránh ống nổi lên hay lệch gây hở mối nối.

2. Giảm chi phí thi công

- Ống HDPE có trọng lượng nhẹ, vận chuyển dễ dàng nên rút ngắn thời gian thi công, lắp đặt.
- Lắp đặt với mọi địa hình do có phụ kiện kết nối đơn giản, thao tác nhanh gọn.
- Chiều dài ống có thể điều chỉnh nhằm giảm các mối nối, giảm được lượng bị vỡ, giảm chi phí nhân công... từ đó giảm giá thành thi công.

3. Độ kín nước

- Các mối nối được kết nối bằng phương pháp hiện đại, nối bằng măng song và ron cao su. Tùy vào từng mục đích sử dụng và tùy vào địa hình thi công mà có các phương pháp ghép nối khác nhau.
- Đảm bảo tính kín nước rất tốt, không bị rò rỉ và thẩm thấu ra bên ngoài.

4. Xếp dỡ, vận chuyển, bảo quản

- Ống có thể luồn vào nhau, dễ vận chuyển, ống có chiều dài thích hợp với phương tiện vận chuyển.
- Xếp ống ngay ngắn, bảo quản ống dưới mái che trong môi trường nhiệt dưới 35°C

HDPE

FOR SEWERAGE

Scope of usage

- Sewage system for residential areas
- Transport and treatment system of wastewater in the industry
- Highway filter drainage system
- Irrigation system, golf course land drainage system
- Protection system for cables and underground post telecommunication cables
- Supply and drainage system for aquaculture



1. Characteristics and structures of Pipes:

HDPE Drain pipe is product being made by the company according to the Korean technology, and Germany vacuum technology having the strong point favorable about : Durable-Elastic-Saving Without Corrosion.

HDPE pipes are used by HDPE materials with high density wide smooth and plane inside, good condition for water stream. Between the thickness of the pipe, there is a structure of empty hole due to pressing and pushing. So they can stand extend external pressure and highly touching intensity and they permit the continued flow. They are suitable for salt land and sand.

HDPE pipes are good for chemical resistance, not rusty, not disintegrated. They have long longevity over 50 years suitable for using in environment such as : Acid, Alkali, Discharge water, Organic Water (for factory treating garbage), salted water...to be suitable for the sea coast region.

2. It is reduce the expense executing work, less costly about expenses for repairing and maintaining the pipelines.

It is due to the pipes having the light weight thus the transport, the execution of the works and reparation are very easy. Since then it is shortened the time executing works, saved the installation time. It is installed together with all topographies due to the simple fittings with the tidy-rapid manipulation. Thereto, there is the correction of the pipe length in other reduce the joined point as well reduce of the broken quantity and labors... Therefore, it is reduce the cost price of executing works

3. Tight water level

The joined points are joined by the modern method, connecting with sleeves & rubber joint, having many options for every available purpose and depending on the topography executing work to select conjoined method to secure well the tight water character, leak less and water proof. Joint are connecting by rubber joint. Thus, it will absolutely ensure the water tightness.

4. Loading, unloading, transportation and maintenance

Pipes can pass through with each other to be easily transported pipes having suitable length with the transport means

Pipes should be arranged tidily, maintained under covered roof in temperature environment less than 35° C

■ **BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT ỐNG GÂN HDPE 2 LỚP – DÙNG CHO THOÁT NƯỚC**
TABLE OF TECHNICAL PARAMETER FOR HDPE DOUBLE LAYER CORRUGATED PIPE – USED IN SEWAGE SYSTEM

Kích thước danh nghĩa Nominal size DN/OD	Đường kính trong Inside diameter (mm)	SN4		Chiều dài ống Pipe length (m)
		Bề dày thành ống Wall thickness (mm)	Độ cứng vòng Ring stiffness (kN/m ²)	
150	152	10.0	4	6÷9
200	200	14.0	4	6÷9
250	255	18.0	4	6÷9
300	300	21.0	4	6÷9
400	405	28.0	4	6÷9
500	505	37.0	4	6÷9
600	610	43.0	4	6÷9

Lưu ý:

- Ống gân 2 lớp HDPE được sản xuất theo tiêu chuẩn Châu Âu prEN 13476-3:2006 (E)
- Độ cứng vòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO 9969:2007
- Chiều dài ống có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng.

Note:

- Produced in accordance with prEN 13476-3:2006 (E)
- Stiffness of pipes are tested in accordance with ISO 9969:2007
- Length he can produce by customer request.

■ **PHỤ KIỆN ỐNG 2 LỚP / FITTING FOR DOUBLE - WALL CORRUGATED PIPES**

LỐI 45° / 45° ELBOW



CHỮ Y / REDUCING WYE TEE



MĂNG SONG NGOÀI
JOINT SOCKET



LỐI 22° / 22° ELBOW



GIOĂNG CAO SU / RUBBER SEAL



Ống gân HDPE 2 lớp hay còn gọi là ống cống được sản xuất theo công nghệ Tây Đức có nhiều ưu điểm về: độ bền cao, không bị ăn mòn, tính kinh tế cao, được sử dụng rộng rãi và phổ biến trong xây dựng dự án cũng như các công trình dân dụng: nhà ở, khu chung cư, khu công nghiệp...

Nối ống HDPE 2 lớp được đơn giản và dễ dàng hơn qua việc ống được tích hợp thêm đầu nong, đây là phần quan trọng dùng để nối các ống lại với nhau, là phương pháp nối đơn giản và tối ưu nhất giúp hệ thống đường ống dẫn nước hoạt động ổn định, không bị rò rỉ nước.

ĐẶC TÍNH



TÍNH NĂNG NỔI BẬT:

Khả năng chịu lực cao, đàn hồi tốt, chịu được ngoại áp và va đập tốt.

ĐẶC ĐIỂM THI CÔNG:

Mặt trong trơn, phẳng, dễ lắp đặt, dễ dàng kết nối với ống giúp tiết kiệm chi phí và thời gian thi công.

KHẢ NĂNG THÍCH NGHI MÔI TRƯỜNG CAO:

Phù hợp với mọi địa hình, không chịu ảnh hưởng bởi thời tiết. Chịu được môi trường axit, muối, kiềm, hóa chất... thân thiện môi trường.

TUỔI THỌ CAO:

Tuổi thọ trên 50 năm.

CẤU TẠO

Thân ống

Ống HDPE 2 lớp có cấu tạo bên ngoài là các vòng gân chịu lực, được khuôn định hình đùn ra liên tục. Ống có 1 thành vách bên trong trơn, phẳng tăng tốc độ dòng chảy, bề mặt trong được tráng 1 lớp chất liệu màu xanh giúp quá trình kiểm tra thêm dễ dàng, dễ dàng quan sát bên trong đường ống khi cần thiết.

Đầu nối

Đầu nối hay còn gọi là đầu nong được làm từ hạt nhựa HDPE cao cấp, được ép phun chắc chắn với đầu ống tạo thành 1 thể thống nhất và bền vững.

Gioăng cao su

là một vật liệu quan trọng trong việc kết nối giữa ống và đầu nong. Gioăng cao su có tác dụng làm kín, khít khớp nối giúp điểm nối không bị rò rỉ nước.



ĐỘ KÍN NƯỚC

Các ống được kết nối với nhau bằng đầu nong kết hợp với Gioăng cao su đây là phương pháp nối đơn giản và tối ưu nhất đảm bảo hệ thống đường ống dẫn nước hoạt động ổn định và trở nên hoàn thiện hơn.

Đảm bảo tính kín nước rất tốt, không bị rò rỉ nước và thấm thấu ra bên ngoài.



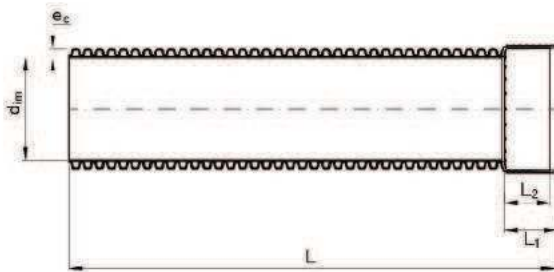
ĐẶC ĐIỂM SỬ DỤNG

Sau thi công điểm kết nối giữa ống và đầu nối chắc chắn, khả năng vận hành tốt, không rò rỉ nước, bảo trì dễ dàng.

Nối ống nhựa HDPE 2 lớp bằng đầu nong khắc phục được rất nhiều nhược điểm của các phương pháp nối truyền thống khác.



ỐNG GÂN 2 LỚP CÓ ĐẦU NONG



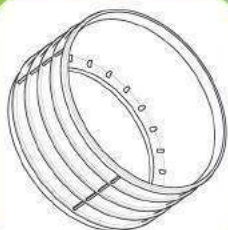
GIOĂNG CAO SU ÓNG GÂN 2 LỚP



Kích thước danh nghĩa DN	D	L
mm	mm	mm
150	171	15
200	228	19
250	286	22
300	337	23
400	458	31
500	575	39
600	692	43

Kích thước danh nghĩa DN	Đường kính trong d_{im}	Chiều dài đầu nong L_1	Chiều dài hữu dụng đầu nong L_2	Chiều cao gân e_c	Độ cứng vòng danh nghĩa SN	Chiều dài ống và đầu nong L
mm	mm	mm	mm	mm	KN/m ²	mm
150	152	114	99	10	4	6115
200	200	118	104	14	4	6120
250	255	133	119	18	4	6135
300	300	153	139	21	4	6155
400	405	178	159	28	4	6180
500	505	238	219	37	4	6240
600	610	278	259	43	4	6285

LƯU Ý



- Ống gân HDPE 2 lớp được sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 21138-3:2007(E). Độ cứng vòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO 9969:2007.
- Đầu nong ống được thử nghiệm theo tiêu chuẩn BS EN 1277:2003. Chiều dài của ống có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng.

Double-layer HDPE ribbed pipe, also known as sewer pipe produced by West German technology, has many advantages in terms of: high durability, non-corrosion, high economy, widely used and popular in construction projects as well as civil works: houses, apartment buildings, industrial parks...

Connecting 2-layer HDPE pipes is simpler and easier because the pipe is integrated with a socket, this is an important part used to connect pipes together, is the simplest and most optimal connection method to help the pipeline system. Water pipes work stably, no water leakage.

CHARACTERISTICS



- OUTSTANDING FEATURES:** High bearing capacity, good elasticity, good resistance to external pressure and impact.
- CONSTRUCTION CHARACTERISTICS:** The inside is smooth, flat, easy to install, easy to connect with pipes to save construction costs and time.
- HIGH ENVIRONMENTAL ADAPTABILITY:** Suitable for all terrains, not affected by weather. Withstand acid, salt, alkaline, chemical... environment friendly environment.
- LONG LIFE:** Life expectancy is more than 50 years

STRUCTURE

Pipe body

2-layer HDPE pipe has an external structure of bearing ribs, which is shaped continuously by the mold. The pipe has a smooth, flat inner wall to help increase the flow rate, the inner surface is coated with a layer of blue material to make the inspection process easier, and it is easy to see the inside of the pipe when needed.



Connector

The connector, also known as the socket, is made from high-quality HDPE plastic, which is firmly injection molded with the pipe end forming a unified and durable body.



Rubber gasket

is an important material in the connection between the pipe and the socket. Rubber gaskets have the effect of sealing and sealing joints to prevent water leakage at the joints.



WATER TIGHT

The pipes are connected by sockets combined with rubber gaskets, this is the simplest and most optimal connection method to ensure that the water pipeline system works stably and becomes more complete.

Ensure very good watertightness, no water leakage and penetration to the outside.

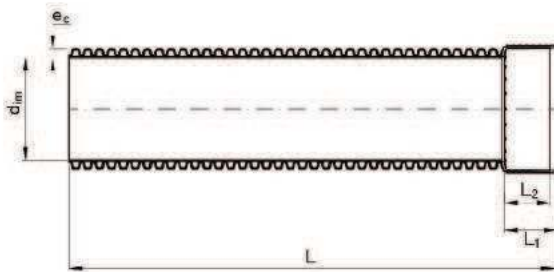


CHARACTERISTICS OF USING

- After construction, the connection point between the pipe and the connector is firm, good operability, no water leakage, easy maintenance.
- Connecting 02-layer HDPE pipes with sockets overcomes many disadvantages of other traditional joining methods.



2-LAYER RIBBED TUBE WITH SOCKET



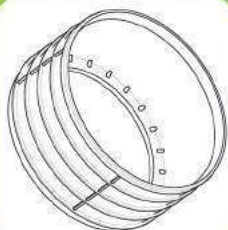
2-LAYER RIBBED RUBBER GASKET



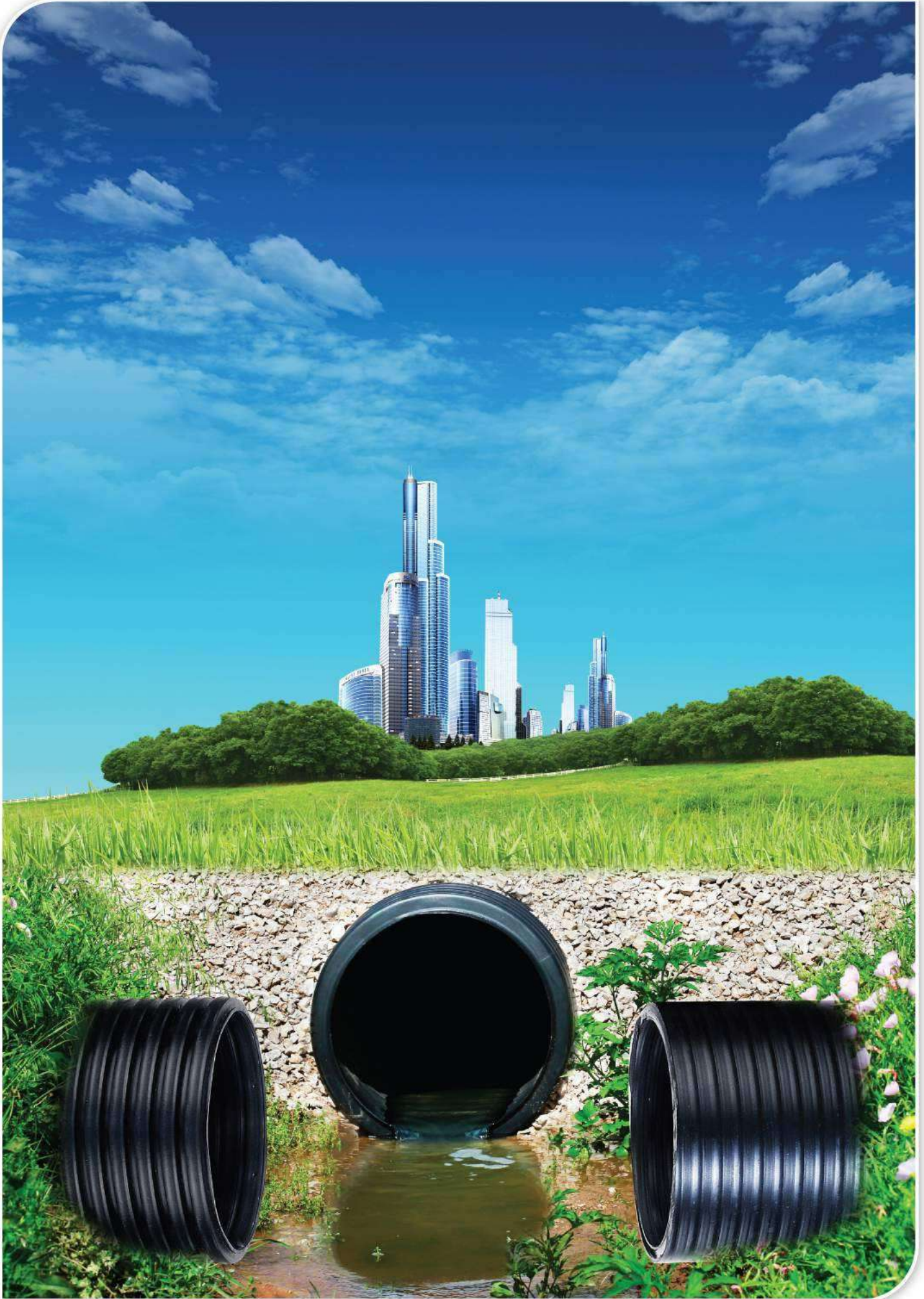
Nominal size DN	D	L
mm	mm	mm
150	171	15
200	228	19
250	286	22
300	337	23
400	458	31
500	575	39
600	692	43

Nominal size DN	Inner Diameter d_{im}	Plug length L_1	Useful length of socket L_2	Rib height e_c	Nominal ring stiffness SN	Pipe and socket length L
mm	mm	mm	mm	mm	KN/m ²	mm
150	152	114	99	10	4	6115
200	200	118	104	14	4	6120
250	255	133	119	18	4	6135
300	300	153	139	21	4	6155
400	405	178	159	28	4	6180
500	505	238	219	37	4	6240
600	610	278	259	43	4	6285

NOTE



- Double layer HDPE ribbed pipe is manufactured according to International standard ISO 21138-3:2007 (E). Ring hardness tested according to ISO 9969:2007.
- The socket is tested according to BS EN 1277:2003
- The length of the pipe can be produced according to customer requirements



■ **BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT ỐNG HDPE 1 VÁCH DÙNG CHO THOÁT NƯỚC MƯA DÂN DỤNG**

TABLE OF TECHNICAL PARAMETER FOR HDPE SINGLE-WALL CORRUGATED PIPE USED IN CIVIL RAINWATER DRAINAGE SYSTEM



Kích thước danh nghĩa Nominal size DN/OD	Đường kính trong Inside diameter (mm)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)	Bề dày mép ống Wall thickness (mm)	Bề dày ống Pipe thickness (mm)	Độ cứng Vòng Ring stiffness (kN/m ²)	Chiều dài ống Pipe length (m)
150	150	174	2.0	12	8	5÷6
200	200	228	2.0	14	4	5÷6
300	300	338	2.8	19	4	5÷6
400	400	456	3.5	28	4	5÷6
500	500	564	4.0	32	***	5÷6
600	600	664	4.5	32	2	5÷6

Mặt cắt ống 1 vách / Axial section of HDPE single-wall pipe

Sản xuất theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 09-2018/ĐH. Chiều dài ống từ 2m đến 6m.

Manufactured according to standard TCCS 09-2018/ĐH. Length of pipes varies from 2 meters to 6 meters.

■ **BẢNG YÊU CẦU KỸ THUẬT ỐNG 2 VÁCH**

TABLE OF TECHNICAL PARAMETER FOR HDPE TWIN WALL PIPES



Mặt cắt ống 2 vách
Axial section of HDPE twin-wall

Kích thước danh nghĩa Nominal size DN/OD	Đường kính trong Inside diameter (mm)	LOẠI A THAM KHẢO TIÊU CHUẨN HÀN QUỐC KPS M 2009 TYPE A KOREA STANDARD KPS M 2009			LOẠI B THAM KHẢO TIÊU CHUẨN TCVN 11821-2:2017, 11821-3:2017 TYPE B STANDARD TCVN 11821-2:2017, 11821-3:2017			LOẠI C THAM KHẢO TIÊU CHUẨN TCCS 09:2018/ĐH TYPE C STANDARD TCCS 09:2018/ĐH			Chiều dài ống Pipe length (m)
		Đường kính ngoài Outside diameter (mm)	Bề dày ống Wall thickness (mm)	Độ cứng Vòng Ring stiffness (kN/m ²)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)	Bề dày ống Wall thickness (mm)	Độ cứng Vòng Ring stiffness (kN/m ²)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)	Bề dày ống Wall thickness (mm)	Độ cứng Vòng Ring stiffness (kN/m ²)	
		150	150	-	-	***	176	13	16	170	
200	200	-	-	***	230	15	10	220	10	4	5÷9
250	250	-	-	***	282	16	8	274	12	4	5÷9
300	300	338	19	8	335	17.5	5	328	14	3	5÷9
350	350	394	22	8	386	18	4	380	15	***	5÷9
400	400	450	25	8	444	22	5	434	17	2	5÷9
450	450	500	25	***	494	22	***	488	19	***	5÷9
500	500	558	29	***	553	26.5	***	544	22	3	5÷9
600	600	662	31	8	658	29	5	650	25	2	5÷9
700	700	778	39	8	768	34	4	762	31	***	5÷9
800	800	892	47	***	878	39	4	868	34	***	5÷9
900	900	1000	50	***	988	44	***	978	39	***	5÷9
1000	1000	1120	60	***	1100	50	4	1088	44	***	5÷9
1200	1200	1340	70	***	1320	60	4	1300	50	***	5÷9
1350	1350	1510	80	***	1470	60	***	-	-	***	5÷9
1500	1500	1660	80	***	1620	60	***	-	-	***	5÷9
1650	1650	1840	95	***	1820	85	***	-	-	***	5÷9
1800	1800	2010	105	***	1990	95	***	-	-	***	5÷9
2000	2000	2230	115	***	2210	105	***	-	-	***	5÷9

Chiều dài của ống có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng, từ 2 đến 10 mét. Đường kính tối đa là 2000mm.

Length of pipe is customizable based on customer's request, from 2 to 10 meters. Maximum inside diameter is 2000mm.

▪ **HỆ THỐNG PHỤ KIỆN ỐNG 2 VÁCH / SYSTEM OF FITTING FOR TWIN WALL PIPES**

MỐI NỐI MẶT BÍCH
MULTI-FUNCTION JOINTS



CO 4 ĐOẠN 90°
4 SECTION 90° ELBOW



LỖI 45° / 45° ELBOW



HỐ GA / SOAKAGE PIT



CO 2 ĐOẠN 90° / 2 SECTION 90° ELBOW



CHỮ T / TEE



CHỮ THẬP / CROSS



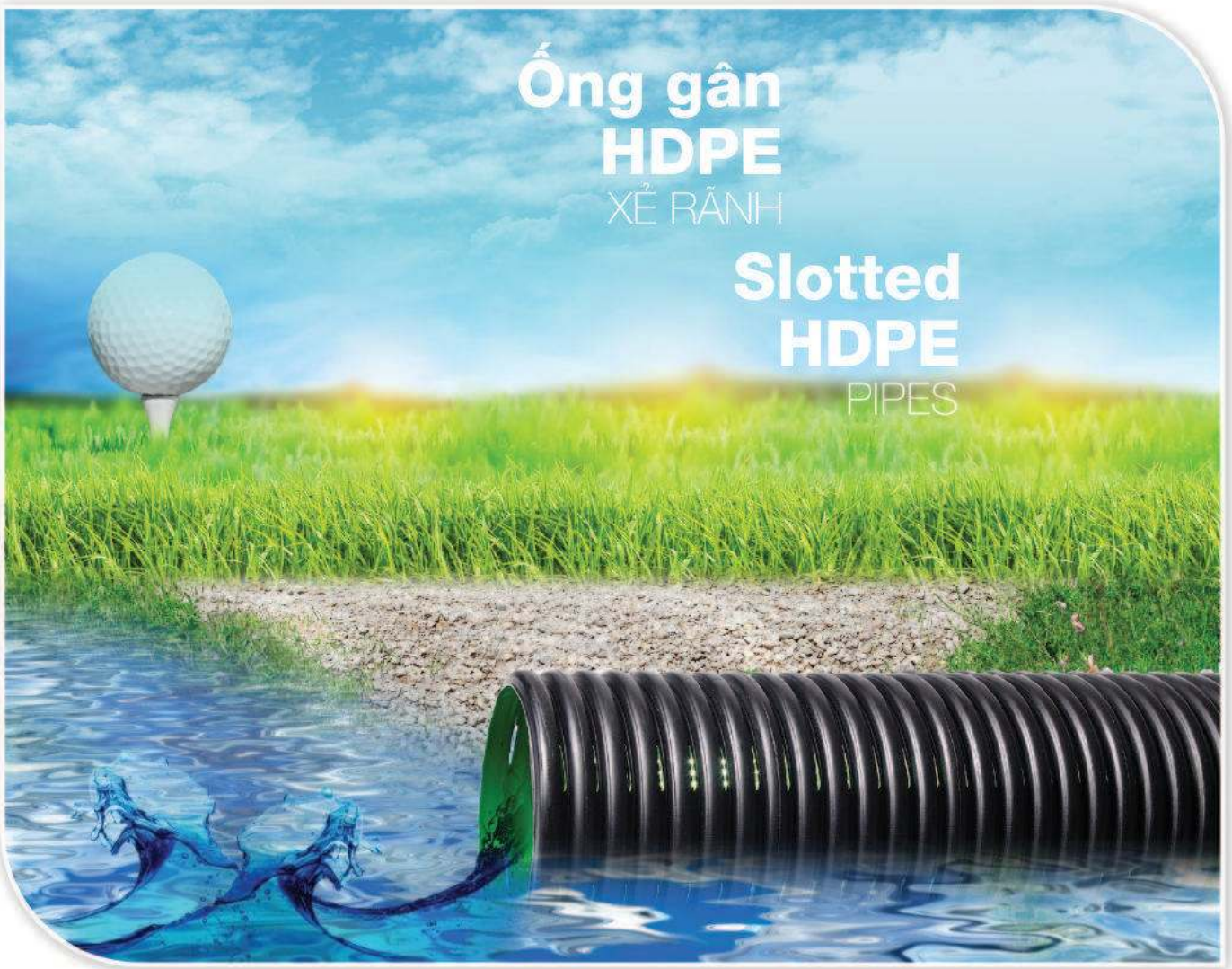
CHỮ T GIẢM / REDUCING TEE



Ghi chú : tùy theo yêu cầu cụ thể, phụ kiện có thể thay đổi tùy theo công trình lắp đặt
Note : depend on the demand, the spare part may be changed

Ống gân HDPE XÈ RÃNH

Slotted HDPE PIPES

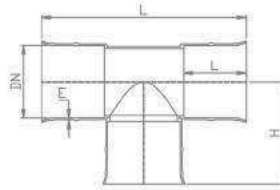


■ THÔNG SỐ KỸ THUẬT / TECHNICAL PARAMETER

STT	Đường kính danh nghĩa Normal dimension	Đường kính ngoài Outside diameter OD (mm)	Đường kính trong Inside diameter OD (mm)	Bề dày thành ống Thickness (mm)	Chiều dài rãnh Length of groove (mm) Min	Số rãnh trên một chu vi ống Groove on the circumference of a tube (mm)	Độ cứng vòng Ring stiffness (kN/m ²)	Trọng lượng Weight (kg/m)	Chiều dài ống Length of pipe (m)
Ống gân HDPE 1 lớp xẻ rãnh / Perforated HDPE single-wall corrugated pipes									
1	100	99.0	85.0	7.0 ^{±1.0}	15	03	SN≥08	0.55 ^{±0.05}	30-50
2	150	156.0	140.0	8.0 ^{±1.0}	15	06	SN≥03	1.20 ^{±0.05}	25-30
Ống gân HDPE 1 lớp / HDPE single-wall corrugated pipes									
1	100	99.0	85.0	7.0 ^{±1.0}			SN≥08	0.55 ^{±0.05}	30-50
2	150	156.0	140.0	8.0 ^{±1.0}			SN≥03	1.20 ^{±0.05}	25-30
Ống gân HDPE 2 lớp xẻ rãnh / Perforated HDPE double-wall corrugated pipes									
1	100	99.4	84.3	7.5 ^{±1.0}	15	03	SN≥08	0.70 ^{±0.05}	4-10
2	150	159.0	140.7	9.1 ^{±1.0}	15	06	SN≥04	1.25 ^{±0.05}	4-10
Ống gân HDPE 2 lớp / HDPE double-wall corrugated pipes									
1	100	99.4	84.3	7.5 ^{±1.0}			SN≥08	0.70 ^{±0.05}	6-10
2	150	159.0	140.7	9.0 ^{±1.0}			SN≥04	1.25 ^{±0.05}	6-10

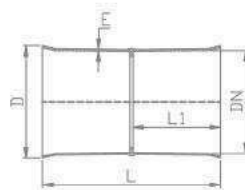
FITTINGS

CHỮ T / TEE



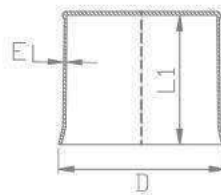
DN (mm)	D (mm)	E (mm)	L (mm)	L1 (mm)
100	143.0	2.2	286.0	87.0

MĂNG SONG / SOCKET



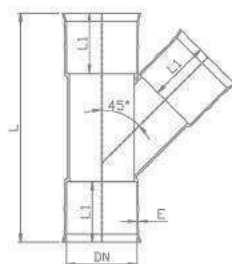
DN (mm)	D (mm)	E (mm)	L (mm)	L1 (mm)
100	113.5	2.2	177.0	87.0
150	174.0	2.2	256.0	126.0
300	354.0	3.1	323.0	158.0

BÍT/ENDCAP



DN (mm)	D (mm)	L1 (mm)	E (mm)
100	114	87	2.2

CHỮ Y / WYE TEE



DN (mm)	L (mm)	L1 (mm)	E (mm)
100	332	87	2.2

THIẾT BỊ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG ỐNG / **QUALITY CONTROL MACHINES**

Sản xuất và thử nghiệm theo tiêu chuẩn.

BS 3505 : 1986

ISO-4433-1, ISO-4433-2 : 1997

ASTM 2412 :

ISO 6259-1, 2,3 :

TCVN 11821-2:2017, 11821-3:2017

Phương pháp thử độ bền vật liệu nhựa trong các môi trường hóa chất

Ống nhựa dẻo nóng, chịu được hóa chất lỏng.

Phương pháp thử nghiệm định ra qui cách tải ngoài của ống bằng 2 phiến song song.

Ống nhựa nhiệt dẻo - Phương pháp xác định độ bền vật liệu

Ống nhựa gân xoắn HDPE

Manufactured and tested complying with standards.

BS 3505 : 1986

ISO-4433-1, ISO-4433-2 : 1997

ASTM 2412 :

ISO 6259-1, 2,3 :

TCVN 11821-2:2017, 11821-3:2017

Tested method of the durable level for the plastic material in the chemical environment.

Hot flexible pipe-to be supported liquid chemical substances.

Tested method pointed out the dimensions loading outside of the pipes by two parallel slabs.

Flexible thermal pipe-Defined method for the durable level of the materials

Corrugated pipe HDPE

Máy thử độ cứng vòng

Cycle hardness testing-machine



Máy thử độ kéo giãn nguyên liệu

Stretch material testing-machine



Máy thử độ va đập

Impact elasticity testing-machine



Máy phay CNC

Milling machine - CNC



DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT / **EXTRUSION LINE**









DỰ ÁN / PROJECT

Sân golf Long Thành
Long Thành golf



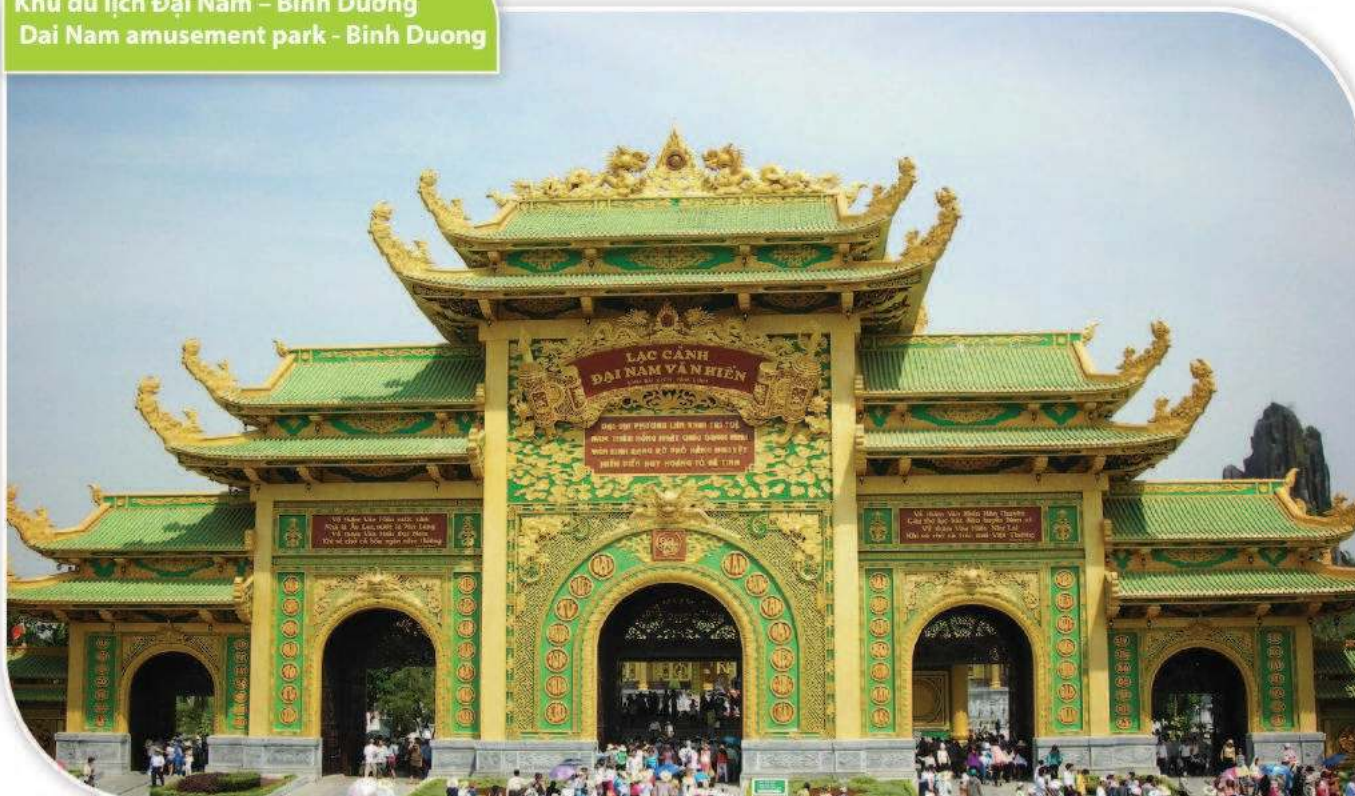
Sân golf Long Biên
Long Biên golf



Nhà máy Samsung Việt Nam
Samsung Vietnam factory



Khu du lịch Đại Nam – Bình Dương
Dai Nam amusement park - Binh Duong



DỰ ÁN / PROJECT

KCN VSIP 1,2,3 - Bình Dương
VSIP 1, 2, 3 industrial park - Binh Duong



KCN BOURBON - Tây Ninh
Bourbon industrial park - Tay Ninh



Khu đô thị Đại Quang Minh Sala – TP. HCM
Dai Quang Minh Sala - Ho Chi Minh City



Khu đô thị mới Thủ Thiêm – TP. HCM
Thu Thiem urban areas - HCMC



DAT HOA PLASTIC COMPANY LTD.
Office & Factory

Lot C-1- CN, NA4 Street, My Phuoc 2 Industrial Park,
My Phuoc Ward, Ben Cat District, Binh Duong Province

Hotline: 1900 75 75 72

Tel : (84-274) 3556 750~59

Fax: (84-274) 3556 760~64

Website : www.dathoa.com.vn

E-mail: info@dathoa.com.vn



CÔNG TY TNHH NHỰA ĐẠT HÒA
Văn phòng & Xưởng

Lô C-1-CN Đường NA4, KCN Mỹ Phước 2,
Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Hotline: 1900 75 75 72

ĐT : (84-274) 3556 750~59

Fax: (84-274) 3556 760~64

Website : www.dathoa.com.vn

E-mail: info@dathoa.com.vn